

DANH SÁCH HS-SV NỢ HỌC PHÍ

Năm học: 2020 - 2021 Học kỳ: 2

Khóa học : ĐH Khóa 20 VB2_CQ2020 - 2021

Bậc đào tạo : Đại học VB2CQ (QC 43)

Ngành đào tạo : Ngôn ngữ Anh

Lớp học : DAH20A

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ trước	Phải thu	Miễn giảm	Đã thu	Đã chi	Còn lại
1	D20DAH001	Đỗ Thị Hoàng Anh	520,000	6,630,000		0	0	7,150,000
2	D20DAH002	Lê Thị Ngọc Ánh	520,000	6,630,000		0	0	7,150,000
3	D20DAH003	Phạm Thị Thanh Ba	520,000	6,630,000		0	0	7,150,000
4	D20DAH004	Nguyễn Ngọc Cang	7,020,000	6,630,000		0	0	13,650,000
5	D20DAH005	Đặng Thị Thanh Diệu	520,000	6,630,000		0	0	7,150,000
6	D20DAH008	Nguyễn Thị Thùy Dung	520,000	6,630,000		0	0	7,150,000
7	D20DAH009	Võ Thị Diễm Duyên	7,020,000	6,630,000		0	0	13,650,000
8	D20DAH010	Lê Thị Minh Hạnh	520,000	6,630,000		0	0	7,150,000
9	D20DAH013	Lê Văn Hưng	7,020,000	6,630,000		0	0	13,650,000
10	D20DAH016	Nguyễn Thị Minh Khai	520,000	6,630,000		0	0	7,150,000
11	D20DAH017	Nguyễn Văn Anh Kiệt	520,000	6,630,000		0	0	7,150,000
12	D20DAH018	Trần Thị Ngọc Lanh	520,000	6,630,000		0	0	7,150,000
13	D20DAH019	Nguyễn Tấn Linh	520,000	6,630,000		0	0	7,150,000
14	D20DAH020	Trần Thị Hương Ly	520,000	6,630,000		0	0	7,150,000
15	D20DAH021	Trần Thị Tuyết Mai	520,000	6,630,000		0	0	7,150,000
16	D20DAH022	Huỳnh Đức Minh	520,000	6,630,000		0	0	7,150,000
17	D20DAH024	Trần Thị Nguyệt	520,000	6,630,000		0	0	7,150,000
18	D20DAH025	Phùng Thị Mỹ Nhung	520,000	6,630,000		0	0	7,150,000
19	D20DAH026	Nguyễn Thị Phương	520,000	6,630,000		0	0	7,150,000
20	D20DAH027	Nguyễn Thị Phụng	7,020,000	6,630,000		0	0	13,650,000
21	D20DAH029	Lê Minh Quý	520,000	6,630,000		0	0	7,150,000
22	D20DAH028	Nguyễn Tiến Quân	520,000	6,630,000		0	0	7,150,000
23	D20DAH030	Nguyễn Thị Minh Tâm	520,000	6,630,000		0	0	7,150,000
24	D20DAH031	Trần Thị Thu Thành	520,000	6,630,000		0	0	7,150,000
25	D20DAH032	Trần Thị Phương Thảo	7,020,000	6,630,000		0	0	13,650,000
26	D20DAH038	Lê Thành Trung	7,020,000	6,630,000		0	0	13,650,000
27	D20DAH039	Phan Thị Bạch Tuyết	520,000	6,630,000		0	0	7,150,000
28	D20DAH041	Phạm Hoàng Vương	520,000	6,630,000		0	0	7,150,000
29	D20DAH044	Nguyễn Thị Cúc	520,000	6,630,000		0	0	7,150,000
30	D20DAH050	Đoàn Thị Xuân Mỹ	520,000	6,630,000		0	0	7,150,000
Tổng cộng			54600000	198,900,000	0	0	0	253,500,000

Bằng chữ : Hai trăm năm mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng chẵn.

Ghi chú: - Đối với sinh viên có thắc mắc về học phí
thì liên hệ phòng Kế hoạch tài chính để kiểm tra đối

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 06 năm 2022

PHÒNG KHTC

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ trước	Phải thu	Miễn giảm	Đã thu	Đã chi	Còn lại
-----	-------	-----------	----------	----------	-----------	--------	--------	---------

chiếu kịp thời (kèm chứng từ nộp học phí)

- Danh sách nợ chốt đến hết ngày 06/06/2022